TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Viên;

Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2025), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị L Thị H, sinh năm 20xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đồn Nam, xã Hùng Thắng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn (chị L Thị H) trình bày: Chị và anh H1 tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng (nay là xã Hùng Thắng), thành phố Hải Phòng ngày 23/9/2021. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 02 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh H1 mải chơi, không quan tâm đến gia đình; mẹ anh H1 thường hay gắn hắt và mâu thuẫn với chị H. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể

đoàn tụ, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo L sinh ngày 20/4/2022. Khi ly hôn, chị H nhận trực tiếp nuôi con. Chị tự thoả thuận với anh H1 về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh khai xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn, mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung là đúng. Tuy nhiên, anh H1 không đồng ý ly hôn chị H. Anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sua khi ly hôn. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc được 01 - 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, một phần do sau tai nạn anh H1 tính tình thay đổi; chị H và mẹ chồng mâu thuẫn với nhau dẫn tới tình trạng vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ giữa năm 2023, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung như trình bày; hiện con chung của anh chị do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con. Anh H1 làm nghề lao động tự do và có nơi cư trú tại: Thôn Đồn Nam, xã Hùng Thắng, thành phố Hải Phòng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt các đương sự và các hoạt động tố tụng khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; căn cứ 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị L Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1; giao con Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/4/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H1, hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã H, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

[3] Tại phiên toà, nguyên đơn (chị H) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh H1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ H1 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị L Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng (nay là xã Hùng Thắng), thành phố Hải Phòng vào ngày 23/9/2021. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị H xin ly hôn anh H1; anh H1 không đồng ý. Xét thấy, lời kH1 của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa phương, sự phù hợp đó thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh chị chung sống hoà thuận được 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm; một phần do sau tai nạn tính tình anh H1 thay đổi; mẹ anh H1 thường hay xét nét, mâu thuẫn với chị H dẫn tới quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H1 ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Mặc dù, anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian dài sống ly thân, anh H1 không chủ động hoà giải với chị H, bản thân anh không còn giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ; chị H khẳng định chị không còn tình cảm với anh H1. Do đó, có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/4/2022. Kể từ khi sống ly thân, con chung của anh chị do chị H trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án anh H1 không có quan điểm về con chung; bản thân chị H có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo điều kiện về người trực

tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận với nhau, không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/4/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị L Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí

theo Biên lai thu số 0001580 ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Hùng Thắng;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị H Trang